

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 5 - 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

2. Bà Trần Thị Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Diệp Minh Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Đ, sinh năm 1992((có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Đ trình bày: Vào năm 2020 qua thời gian tìm hiểu nên anh và T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân trước sự đồng ý và cho phép tổ chức đám cưới của hai bên gia đình, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 20/3/2020, sau khi cưới vợ chồng về sống chung bên anh được một thời gian, đến ngày 17/3/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau và chị T bỏ về cha mẹ ruột ở và vợ chồng và đã ly thân từ ngày 17/3/2021 cho đến nay, thời

gian ly thân không ai tạo điều kiện hàn gắn. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị T nữa sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, do đó anh yêu cầu về hôn nhân xin được ly hôn với chị T; về con chung là Phạm B; sinh ngày 01/11/2020 anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con vì từ khi chị T bỏ đi không một lần đến thăm con và cũng không liên lạc với anh, về cấp dưỡng nuôi con anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vắng mặt không lý do, mặc dù chị T có mặt ở địa phương kể cả người thân của chị T vẫn có mặt tại địa phương nhưng đã từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đ; chị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên chị T không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đ; Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Đ được ly hôn với chị Trần Thị T, về con chung cháu Phạm B; sinh ngày 01/11/2020 giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung anh Đ khai không có, nên không xem xét, về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đ yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị T và anh chị có một người con chung dưới 18 tuổi nên đây là vụ kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị Trần Thị T có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, căn cứ khoản 1

Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hiện tại chị Trần Thị T vẫn có mặt tại địa phương, kể cả gia người thân của chị T vẫn có mặt ở địa phương nhưng đều đã từ chối nhận toàn bộ văn bản tố tụng của Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu của anh Đ đã nêu trong đơn khởi kiện và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Đối với anh Phạm Đ tại phiên tòa hôm nay anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đ và chị Trần Thị T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 20/3/2020 theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Theo anh Đ trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống chung bên anh được khoảng một thời gian, đến ngày 17/3/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi nhau nên chị T đã trở về bên cha mẹ chị T sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ ngày 17/3/2021 đến nay, không ai tạo điều kiện hàn gắn lại, nay anh Đ nhận thấy không còn tình cảm với chị T nữa, sống chung không hạnh phúc nên anh Đ làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án qua nhiều lần mời anh Đ đến để tác động cho anh suy nghĩ lại về mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T nhưng anh Đ vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh Đ và chị T khó có thể hàn gắn lại được do chị T không có thiện chí để hòa giải, mặc dù chị T vẫn có mặt ở địa phương vẫn biết anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị T nhưng chị T vẫn không đến Tòa án đúng ngày giờ quy định, chứng tỏ chị T không muốn hàn gắn lại với anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của anh Đ và kết quả xác minh ông Lâm Văn V là trưởng ban nhân dân Ấp L xã Q, huyện C, tỉnh Trà Vinh có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Đ yêu cầu ly hôn với chị T là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Phạm Đ và chị Trần Thị T có một người con chung tên Phạm B; sinh ngày 01/11/2020 anh Phạm Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định con chung dưới 36 tháng tuổi được ưu tiên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên xét thấy sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thì chị T bỏ về cha mẹ ruột ở từ tháng 03/2021 để cháu Tâm cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay và khi anh Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn và xin được nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng thì chị T đã biết nhưng không có ý kiến phản đối về việc yêu cầu được nuôi con của anh Đ và hiện tại anh Đ đang đi làm tại công ty giày da Lập

Phương có công việc ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ, giao cháu Phạm B cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đ tự nguyện không có yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Anh Phạm Đ khai không có không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Phạm Đ khai không có không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Phạm Đ phải chịu theo quy định.

[8] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và các Điều 238, 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Đ được ly hôn với chị Trần Thị T

2. Về con chung: Giao cháu Phạm B; sinh ngày 01/11/2020 cho anh Phạm Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con anh Phạm Đ tự nguyện không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị Trần Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, đồng thời chị Trần Thị T cũng phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với anh Phạm Đ, Vì quyền lợi về mọi mặt của con, sau khi ly hôn chị Trần Thị T hoặc anh Phạm Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Đ khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Phạm Đ khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình bằng 300.000 đồng, buộc anh Phạm Đ phải chịu, cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh Phạm Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012763, ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thì anh Phạm Đ đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh

